

Đào tạo công nhân kỹ thuật theo yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá : Luận văn ThS Kinh tế: 5.02.01 / Đông Thị Hồng ; Nghd. : PGS.TS. Phí Mạnh Hồng

1. Lý do chọn đề tài

Công nghiệp hoá - hiện đại hoá là giai đoạn phát triển tất yếu mà mọi quốc gia đều phải đi qua, song mỗi nước đều có những cách thức phát triển riêng tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử và đặc trưng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá của từng nước. Quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta được thực hiện trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội theo hướng phát triển bền vững, trong đó nhân tố con người là trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp hoá và hiện đại hoá với những bước đi thích hợp. Trong số các nguồn lực về tài chính, công nghệ, thiết bị, nguồn tài nguyên... thì ngày nay nguồn lực con người trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho tiến trình phát triển của đất nước. Nếu chúng ta quan tâm và đặt đúng vị trí con người, chúng ta sẽ thành công. Vì thế mà trong "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000" Đảng ta đã khẳng định: "...Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc...".

Để đạt được mục tiêu trên thì giáo dục - đào tạo có vai trò hết sức to lớn. Giáo dục - đào tạo tham gia trực tiếp và đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao trình độ học vấn, trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ tay nghề, xử lý công nghệ, tổ chức quản lý và năng lực thực tiễn của người lao động - lực lượng chủ yếu đối với sự phát triển bền vững. Vì thế mà Đại hội Đảng IX đã khẳng định: "Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng

thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững".

Để cho giáo dục đào tạo thực sự đảm nhận được đúng vai trò của nó thì phát triển hợp lý quy mô và cơ cấu giáo dục đào tạo là một đòi hỏi bức thiết. Đặc biệt, trong lĩnh vực đào tạo nghề, tình trạng thừa thầy thiếu thợ, kỹ sư làm công việc của cán bộ trung cấp kỹ thuật đang trở nên hết sức bức xúc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả giải quyết việc làm, đến tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đội ngũ công nhân kỹ thuật nước ta hiện nay không đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Vì thế cần phải đào tạo được một đội ngũ lao động có trình độ tay nghề, có chuyên môn nghiệp vụ cao, có trình độ văn hoá, có sức khoẻ, có tác phong công nghiệp, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới để đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường cả về số lượng và chất lượng... Tất cả những điều đó đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh công tác trong lĩnh vực dạy nghề và giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng đội ngũ công nhân kỹ thuật để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam.

Tuy nhiên hiện nay đào tạo nghề ở Việt nam lại chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ công nhân kỹ thuật: chương trình dạy nghề chưa được cập nhật, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với kỹ thuật công nghệ mới; đội ngũ giáo viên dạy nghề còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới; quy mô đào tạo còn nhỏ so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mạng lưới cơ sở dạy nghề còn chưa rộng khắp; thiếu đội ngũ công nhân làm việc trong những ngành công nghệ cao; kinh phí đầu tư cho đào tạo nghề còn ít, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu, mất cân đối giữa các ngành nghề đào tạo... Do đó việc phân tích thực trạng đào tạo nghề trong đó có đào tạo công nhân kỹ thuật để tìm ra những biện pháp thích hợp có khả năng thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của hoạt động này là một công việc rất có ý nghĩa. Với những lý do trên đây tôi mạnh dạn chọn đề tài: "Đào tạo công nhân kỹ thuật theo yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá".

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Do có vị trí hết sức quan trọng nên dạy nghề là vấn đề được nhiều nhà khoa học và những người hoạch định chính sách quan tâm. Tuy nhiên trong sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, sự phát triển năng động của nền kinh tế thị trường thì số lượng và chất lượng lao động của đội ngũ công nhân càng được đặc biệt quan tâm và đòi hỏi phải có sự nghiên cứu đầy đủ hơn.

Gần đây, các nhà khoa học Việt Nam đã có nhiều bài viết và công trình nghiên cứu về giáo dục - đào tạo, về cách mạng khoa học công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế xã hội...

Những bài viết đó tập trung chủ yếu vào từng mảng vấn đề, đề cập đến những khía cạnh khác nhau như giáo dục - đào tạo với sự phát triển kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo với việc tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề đối với xuất khẩu lao động... Nhìn chung, tuy khai thác ở từng khía cạnh, từng mảng khác nhau nhưng các tác giả đều coi giáo dục - đào tạo có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế - xã hội nói chung và khẳng định quan điểm của Đảng ta coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, coi giải quyết việc làm là chính sách xã hội cơ bản nhằm nâng cao đời sống người lao động, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên vẫn còn ít những công trình khoa học nghiên cứu tập trung, có tính chất hệ thống lĩnh vực đào tạo công nhân kỹ thuật với tư cách là một kênh phát triển nguồn nhân lực ở nước ta, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế đang biến đổi rất nhanh hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

*** Mục đích**

Trên cơ sở phân tích thực trạng đào tạo công nhân kỹ thuật trong việc phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay, luận văn cố gắng đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả và chất lượng của hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật ở nước ta theo yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

*** Nhiệm vụ**

- Làm rõ vai trò của đào tạo công nhân kỹ thuật trong phát triển nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển đặc biệt là trong điều kiện nước ta hiện nay.

- Làm rõ thực trạng của đào tạo công nhân kỹ thuật ở nước ta trong những năm gần đây.

- Đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật ở nước ta trong thời gian tới.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

**** Cơ sở lý luận***

Luận văn được thực hiện trên cơ sở những nguyên lý của Kinh tế chính trị, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người; các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, các luận điểm khoa học của các nhà khoa học về những vấn đề có liên quan đến đề tài của luận văn.

**** Phương pháp nghiên cứu:***

Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử luận văn chú trọng sử dụng các phương pháp cụ thể như phân tích và tổng hợp, đối chiếu và so sánh, lô-gíc và lịch sử, phương pháp thống kê và hệ thống hoá.

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: hoạt động đào tạo công nhân kỹ thuật ở Việt nam với tư cách là kênh phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước.

- Phạm vi nghiên cứu: trong khuôn khổ đề tài này tác giả nghiên cứu lĩnh vực đào tạo nghề từ khi đổi mới đến nay.

6. Đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy kinh tế chính trị Mác-Lê nin về vấn đề nguồn lực con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Kết quả nghiên cứu cũng có thể sử dụng tham khảo cho việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta và dành cho những người quan tâm đến đề tài.

7- Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương 8 tiết.

Chương 1

VAI TRÒ CỦA ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

1.1. Tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực đối với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá

1.1.1. Nguồn nhân lực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế hiện đại

Mỗi một quá trình lao động sản xuất đều là sự kết hợp của 3 yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Đối tượng lao động và tư liệu lao động là những điều kiện vật chất cần thiết của mọi quá trình lao động. Máy móc thiết bị dù có tinh vi hiện đại đến đâu cũng đều do sức lao động tạo nên và phải thông qua hoạt động tích cực của con người mới phát huy được đầy đủ hiệu quả. Dù cơ sở vật chất của sản xuất có hoàn thiện đến đâu, dù doanh nghiệp có các phương tiện kỹ thuật gì đi nữa thì quá trình sản xuất ở đó cũng chỉ có thể thực hiện với sự hoạt động có mục đích của con người để làm cho những tư liệu vật chất kỹ thuật đó vận hành được. Nếu con người không sử dụng sức lao động của mình để tác động vào tư liệu lao động và đối tượng lao động thì tư liệu lao động và đối tượng lao động chỉ là những vật chất. Chính “lao động đã nắm lấy những vật đó, cải tử hoàn sinh cho chúng, biến chúng từ những công dụng mới có về mặt khả năng thành công dụng có hiệu lực hiện thực”. Nâng cao trang bị kỹ thuật là một nhân tố cơ bản chủ yếu để tăng năng suất lao động. Nếu không có máy móc thiết bị vật tư thì không thể có năng suất cao, không thể có tư liệu sản xuất mở rộng. Nhưng trang bị kỹ thuật không phải là nhân tố duy nhất hàng đầu để tăng năng suất kể cả khi chúng ta có nhiều

những kỹ thuật tiên tiến hiện đại nhất vì khi đó nếu không có con người với trình độ và tính tổ chức cao, phù hợp với yêu cầu của công nghệ, kỹ thuật thì quá trình sản xuất vẫn bị đình trệ. Vì thế: “lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động”.

Như vậy, người lao động là nhân tố vô cùng quan trọng đối với bất kỳ một đất nước nào muốn phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt là ngày nay, khi mà khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới diễn ra sâu rộng, khi mà chúng ta đang đứng trước thềm của kỷ nguyên phát triển mới của xã hội loài người - chuyển sang nền kinh tế tri thức thì các nhà kinh tế đều khẳng định rằng đầu tư cho con người thông qua các hoạt động giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, các chương trình đảm bảo việc làm và an sinh xã hội... là đầu tư hiệu quả nhất, quyết định khả năng tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của một quốc gia.

Ở nước ta, nhận thức vai trò động lực của nguồn nhân lực đối với quá trình phát triển đất nước Đảng đã chỉ đạo “lấy việc phát huy yếu tố con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển rất nhanh và bền vững” và nguồn lực con người được coi là nội lực cơ bản nhất cần khai thác và phát huy để tiến hành công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Tóm lại, bất kỳ một quốc gia nào muốn tăng trưởng, phát triển kinh tế trong thời kỳ hiện nay đều phải quan tâm, đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Chỉ có đầu tư phát triển hiệu quả nguồn nhân lực, đất nước đó mới nhanh chóng thành công.

1.1.2. Vai trò của việc phát triển nguồn nhân lực đối với các nước đang phát triển

**** Công nghiệp hoá - hiện đại hoá đối với các nước đang phát triển***

Các nước đang phát triển là những nước có mức thu nhập bình quân đầu người thấp, là những nước có tỷ lệ tích lũy thấp, là những nước có hoạt động kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở sản xuất nhỏ, nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn, kỹ thuật sản xuất thủ công, lạc hậu, xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm thô (nông sản và khoáng sản), năng suất lao động thấp do thiếu vốn và yếu tố công nghệ kỹ

thuật hiện đại đi lên nếu không có công nghiệp phát triển. Các nước đang phát triển còn phải đối đầu với một thách thức nữa trong quá trình phát triển. Đó là áp lực về dân số và việc làm. Khẩn trọng việc giải quyết hàng loạt những vấn đề kinh tế xã hội như: thất nghiệp, nghèo đói, bệnh dịch, sự lạc hậu về y tế và giáo dục...

Để thoát khỏi tình trạng đó thì các nước đang phát triển không còn con đường nào khác là lựa chọn con đường công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá là giải pháp quan trọng (nếu không muốn nói là quan trọng nhất) nhằm xây dựng một bộ phận nguồn lực quốc gia ngày càng lớn. Chỉ có công nghiệp hoá - hiện đại hoá mới làm cho các nước đang phát triển thay thế được lao động thủ công lạc hậu bằng lao động sử dụng máy móc, cơ khí hoá nền kinh tế quốc dân; thay thế máy móc, thiết bị và công nghệ bằng máy móc thiết bị và công nghệ ngày càng hiện đại hơn. Đó là bước chuyển đổi căn bản từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Qua ông nghiệp hoá - hiện đại hoá các nước này xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

** Phát triển nguồn nhân lực - yếu tố quan trọng đảm bảo thành công của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá*

Sự thành công của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi ngoài môi trường chính trị ổn định, phải có các nguồn lực cần thiết, như: nguồn lực con người, vốn, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất- kỹ thuật, vị trí địa lý và nguồn lực nước ngoài. Các nguồn lực này có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng tham gia vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng mức độ tác động và vai trò của chúng đối với toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá không giống nhau, trong đó nguồn lực con người là yếu tố quyết định.

Con người là nguồn lực duy nhất biết tư duy, có trí tuệ và ý chí, biết “lợi dụng” các nguồn lực khác, gắn kết chúng lại với nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp, cùng tác động vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các nguồn lực khác là những khách thể, chịu sự cải tạo, khai thác của con người và hết thảy chúng đều phục vụ cho nhu cầu, lợi ích con người, nếu con người biết cách tác động và chi phối. Vì thế, trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, người

lao động là một yếu tố quan trọng nhất, là lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn nhân loại, nếu thiếu sự hiện diện của trí tuệ và lao động của con người thì mọi nguồn lực đều trở nên vô nghĩa thậm chí khái niệm "nguồn lực" cũng không còn lý do để tồn tại.

Nói tóm lại, tiềm năng sức lao động - con người với trí tuệ và lao động được định hướng bởi trí tuệ đó đã và đang là tài sản quý giá nhất, là nguồn lực quan trọng nhất quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

1.2. Đào tạo công nhân kỹ thuật và vai trò của nó đối với công nghiệp hoá - hiện đại hoá

1.2.1. Vị trí của đội ngũ công nhân kỹ thuật trong việc phát triển nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Cách mạng khoa học công nghệ làm cho nhiều ngành nghề cũ, truyền thống mất đi và cũng xuất hiện nhiều ngành nghề mới, cơ cấu ngành nghề và tỷ trọng trong các lĩnh vực cũng thay đổi nhanh chóng đặc biệt là dịch vụ ngày càng tăng, có tính chất toàn cầu và chất lượng cao. Trong nền kinh tế tri thức tỷ trọng lao động trực tiếp giảm mạnh, lao động gián tiếp và dịch vụ tăng nhanh xuất hiện và gia tăng nhanh chóng công nhân trí thức. Vì vậy, đào tạo công nhân kỹ thuật để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục nghề nghiệp.

Trong xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập, trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế truyền thống ở trình độ thấp sang nền kinh tế hiện đại, trình độ cao, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, trong việc xác định, xuất khẩu lao động và chuyên gia cũng là hướng mũi nhọn để tạo việc làm và tham gia vào thị trường lao động quốc tế và khu vực của Việt nam hiện nay Việt Nam phải chuẩn bị được một đội ngũ công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.2.2. Vai trò của hệ thống các trường dạy nghề trong đào tạo công nhân kỹ thuật

Đào tạo tại các trường dạy nghề giúp học sinh sau khi ra trường:

Có được các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nghề nghiệp ở trình độ chuyên môn nhất định để có thể làm việc theo nghề đó sau khi tốt nghiệp, đồng thời có thể giáo dục cho họ những phẩm chất nghề nghiệp như lòng yêu nghề, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động sản xuất.

Có thể trở thành người lao động trực tiếp ở một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể, được làm quen với các nguyên vật liệu, các thiết bị, các thiết bị và các kỹ năng nghề nghiệp mới.

Qua dạy nghề người học được thực hành theo mỗi chuyên môn nhất định, có kỹ năng, kỹ xảo để chuẩn bị quá trình sản xuất (hiểu nhiệm vụ, chuẩn bị vật liệu, phương tiện kỹ thuật, quy trình công nghệ, các thao tác lao động).

Khi vận hành các phương tiện sản xuất tự động hoặc sửa chữa các thiết bị hiện đại, phức tạp, người công nhân phải tiến hành các thao tác tư duy kỹ thuật nhiều hơn là thao tác chân tay. Mặt khác họ phải rèn luyện khả năng tư duy kỹ thuật thành thạo thì mới hoàn thành tốt được công việc. Đây là đội ngũ công nhân kỹ thuật quan trọng, là đội quân tinh nhuệ trong nền sản xuất xã hội.

1.3. Kinh nghiệm của một số nước trong việc phát triển hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật

*** INDONEXIA**

Nhà nước Indonexia đã có đầu tư thích đáng cho giáo dục - đào tạo và đặc biệt có sự cải cách mạnh mẽ chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu về khoa học kỹ thuật tiên tiến; đưa giáo dục nghề nghiệp vào ngay từ bậc trung học, bên cạnh đó vẫn áp dụng hệ thống trung học phổ thông đã tạo nên định hướng nghề sớm cho học sinh; quan tâm đến việc đào tạo nghề tại các xí nghiệp nhưng hình thức này chủ yếu là vừa học vừa làm. Các xí nghiệp thường áp dụng hình thức đào tạo ngắn hạn, đào tạo một loại kỹ năng công việc nào đó nên học sinh thường bị phiến diện và hạn chế khả năng tìm việc làm khi họ muốn chuyển đổi nghề hay chuyển sang nơi làm khác.

*** THÁI LAN**

Các chính sách cải cách kinh tế đã tạo cho Thái Lan trở thành một nước công nghiệp phát triển nhanh ở Đông Nam Á làm xảy ra hiện tượng thiếu lao động có trình độ kỹ thuật cao để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để khắc phục tình trạng này, chính sách giáo dục hiện nay nhằm củng cố các mặt công tác đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề thông qua lựa chọn và ưu tiên cho việc giảng dạy “kỹ năng trình độ” nhằm làm cho học sinh cảm nhận được công tác đào tạo kỹ thuật, và đào tạo khoa học. Bên cạnh đó nâng cao giá trị, bằng kỹ thuật và chuyên nghiệp vào cuối bậc trung học. Hệ thống đào tạo nghề và đào tạo chuyên nghiệp nằm trong hệ thống quản lý của nhà nước ngay từ bậc trung học. Nhà nước bắt buộc người sử dụng phải khi tuyển lao động phải đóng một khoản phí đào tạo. Khoản phí này sẽ được sử dụng để đầu tư cho giáo dục.

*** TRUNG QUỐC:**

Các trường, các cơ sở đào tạo nghề đều thuộc quản lý nhà nước và do ngân sách Trung ương chi trả. Vai trò của chính quyền địa phương và các thành phần kinh tế khác rất mờ nhạt. Đặc điểm nổi bật trong đào tạo nghề trước đổi mới là các trường, các cơ sở đào tạo nghề thuộc sự quản lý chuyên môn của các Bộ.

Quá trình cải tổ giáo dục và đào tạo bắt đầu từ việc giao nhiệm vụ đào tạo cho các địa phương. Các địa phương sẽ căn cứ vào nhu cầu thực tế và lấy ngân sách địa phương chi trả cho hoạt động giáo dục- đào tạo. Nếu ngân sách địa phương không đủ thì có thể huy động từ các nguồn khác từ cộng đồng. Chính quyền tỉnh căn cứ vào nhu cầu lao động của địa phương mà mở các khoá đào tạo, các trường, các cơ sở. Chính quyền trung ương chỉ tập trung đào tạo một số ngành có tính chung nhất như sư phạm, văn hoá, nghệ thuật,... Những ngành này nếu để các địa phương thực hiện thì khó đáp ứng được yêu cầu chất lượng đào tạo và cũng không có hiệu quả.

*** CÁC NƯỚC CHÂU MỸ LA TINH.**

Hệ thống đào tạo nghề hoàn toàn độc lập với hệ thống giáo dục chính quy của Nhà nước. Kinh phí đào tạo chủ yếu được lấy từ các doanh nghiệp, nghĩa là doanh nghiệp phải trả một khoản phí đào tạo căn cứ vào số lao động mà họ sử

dụng và mức lương của người lao động. Hệ thống đào tạo này được điều hành bởi đại diện 3 bên: Người lao động, người sử dụng lao động và Chính phủ.

Các cơ sở đào tạo nghề cũng được chuyên môn hoá theo các ngành đặc thù như dệt- may, da- giày, hoá dầu,... Những cơ sở đào tạo chuyên ngành thường được sự trợ giúp rất lớn về mặt tài chính và trong các hoạt động đào tạo từ các doanh nghiệp hay hiệp hội các doanh nghiệp thuộc các ngành này.

Tóm lại, muốn công nghiệp hoá - hiện đại hoá thành công chúng ta phải tiến hành đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực. Phải có một nguồn nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện cả về mặt thể lực và trí lực mới có thể đáp ứng sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, của những ngành nghề mới phong phú và đa dạng, của những thiết bị sản xuất tiên tiến hiện đại... Để đáp ứng yêu cầu trên thì một nhân tố vô cùng quan trọng là đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật. Họ là lực lượng lao động tồn tại lâu bền và có khả năng thích nghi cũng như phát triển dưới tác động của khoa học kỹ thuật.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HÓA

2.1. Khái quát về hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật thời kỳ trước đổi mới

. Từ 1898 - 1945 là giai đoạn nước ta bị thực dân Pháp cai trị, dạy nghề mới được hình thành, cả nước có 4 trường kỹ nghệ thực hành (miền Bắc: 2, miền Trung: 1, miền Nam: 1).

Từ 1945 - 1954 nước ta chia thành 2 vùng: Vùng tự do thuộc Nhà nước Việt nam Dân chủ cộng hoà mới thành lập, vùng địch hậu do Pháp kiểm soát. Vùng tự do mới thành lập có 4 trường dạy nghề: 2 trường canh nông và 2 trường thủ công mỹ nghệ.

Từ 1955 - 1965: 56 trường Công nhân kỹ thuật cùng với hàng trăm trung tâm đào tạo nghề bên cạnh các xí nghiệp được thành lập. Thời kỳ này dạy nghề bắt đầu phát triển và đã đào tạo được 142000 công nhân kỹ thuật trong và ngoài nước, đáp ứng được nhu cầu về công nhân kỹ thuật cho sự phát triển kinh tế ở miền Bắc.

Từ 1966 - 1975: Hàng loạt trường dạy nghề được thành lập. Đến năm 1975 tại các tỉnh phía Bắc, chúng ta đã xây dựng được 199 trường dạy nghề, 3 trường Sư phạm kỹ thuật. Chúng ta đã đào tạo được 609.700 công nhân kỹ thuật trong nước và 10.350 công nhân kỹ thuật nước ngoài với quy mô đào tạo 160.809 học viên/năm. Quy mô đào tạo trung bình của một trường là 869 học viên, bình quân 12 - 15 học sinh có một giáo viên, công tác đào tạo nghề chủ yếu được thực hiện tại các trường công lập (theo số liệu thống kê 1975).

Sau khi thống nhất đất nước số lượng các trường dạy nghề đã phát triển nhanh. Đến năm 1980 cả nước có tới 366 trường (tăng 2 lần so với 1975), quy mô đào tạo khoảng 250.000 học viên (tăng 1,6 lần so với 1975), bình quân mỗi trường có quy mô đào tạo khoảng 700 học viên một năm.

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, Chính phủ chủ trương giải thể các trường sơ cấp nông nghiệp của các huyện và thay vào đó là việc hình thành các trung tâm dạy nghề, do đó hệ thống các trường dạy nghề được sắp xếp lại, đến năm 1986 còn 269 trường với quy mô đào tạo khoảng 120.000 học viên.

2.2. Tình hình đào tạo công nhân kỹ thuật trong những năm đổi mới

2.2.1. Những thay đổi chính sách có liên quan đến hệ thống dạy nghề

Trong gần 40 năm, từ 1960 đến 1997, hệ thống tổ chức quản lý đào tạo nghề ở nước ta đã trải qua nhiều bước thăng trầm. Năm 1963 chính phủ quyết định thành lập Vụ đào tạo công nhân kỹ thuật trực thuộc Bộ lao động (nay là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). Năm 1969, chính thức quyết định thành lập Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật cũng thuộc Bộ lao động. Trong 10 năm (1969 – 1978), hệ thống đào tạo trường, lớp công nhân kỹ thuật đã phát triển ở khắp các ngành, vùng, địa phương. Hàng triệu lao động được đào tạo trong và ngoài nước, cung cấp đội ngũ công nhân kỹ thuật có chất lượng cho các ngành kinh tế quốc dân.

2.2.2. Hiện trạng về hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật ở Việt Nam

**** Loại hình đào tạo***

Dạy nghề ngắn hạn được thực hiện tại trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề độc lập hoặc gắn với sản xuất kinh doanh, dịch vụ và cơ sở giáo dục khác. Loại hình này dành cho những người có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học và có thể tổ chức theo hình thức học lý thuyết và thực hành theo lớp; kèm cặp tại xưởng, tại nhà, lấy thực hành là chính, vừa học, vừa làm; chuyển giao công nghệ, đưa kiến thức khoa học, công nghệ mới và kinh nghiệm sản xuất tiên tiến

+ Dạy nghề dài hạn có thời gian đào tạo từ 1 đến 3 năm tại các trường dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có tham gia đào tạo nghề.

Loại hình đào tạo được phát triển ở tất cả các loại hình sở hữu

+ Đào tạo tại các trường dạy nghề công lập

+ Đào tạo nghề tại các trường dạy nghề ngoài công lập

+ Đào tạo nghề tại các doanh nghiệp

+ Đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư của nước ngoài.

+ Đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề của các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất

+ Đào tạo tại các Viện, Trung tâm đào tạo thuộc các trường đại học, các Viện nghiên cứu..

** Số lượng cơ cấu*

Số lượng trường dạy nghề càng giảm: tính đến năm 1998 (thời điểm tái thành lập tổng cục dạy nghề) còn 129 trường giảm 2,0 lần so với năm 1987. Số học sinh học nghề hệ chính qui năm 1987 là 119.783, năm 1994 là 46.489 học sinh cho đến 1998 là 98.000 học sinh. Các trường dạy nghề phân bố chưa hợp lý, có 27 tỉnh không có trường của địa phương quản lý, đặc biệt còn 15 tỉnh không có trường dạy nghề của cả địa phương và trung ương đóng trong trên địa bàn.

Hệ thống các trung tâm dạy nghề quận huyện được phát triển mạnh trong những năm đầu thập kỷ 1990, số lượng được đào tạo nghề ngắn hạn tại các trung tâm dạy nghề ngày càng tăng,...

Sau khi tái thành lập Tổng cục Dạy nghề năm 1998 thì năm 1999 tổng số trường dạy nghề công lập là 147 trường (năm 2000 là 157 trường). Đến 30/6/2004 cả nước có 226 trường dạy nghề. Ngành dạy nghề đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu về lực lượng lao động, số lượng công nhân qua đào tạo nghề từ 1998 đến nay ngày càng tăng làm thay đổi dần cơ cấu lực lượng lao động theo hướng hợp lý hơn.

** Kết quả*

+ Quy mô đào tạo

Năm 1998 cả nước tuyển mới vào học nghề là 525.600 người, trong đó số người học nghề dài hạn là 75.600 và số người học nghề ngắn hạn là 420.000; năm 2004 tuyển mới vào học nghề là 1.154.000 người, trong đó số người học nghề dài hạn là 198.000 và số người học nghề ngắn hạn là 947.000. Quy mô tuyển sinh học nghề năm 2004 tăng 2,18 lần so với năm 1998, trong đó quy mô tuyển sinh học nghề dài hạn tăng 2,62 lần và dạy nghề ngắn hạn tăng 1,8 lần. Nhiều trường dạy nghề có số học sinh đăng ký dự tuyển gấp 2-3 lần chỉ tiêu được giao, cá biệt có một số trường dạy nghề số học sinh đăng ký vào học vượt chỉ tiêu được giao tới hơn 10 lần.

+ Chất lượng đào tạo

Do yêu cầu khách quan của sản xuất của thị trường lao động cùng với sự nỗ lực của nhiều cơ sở dạy nghề, chất lượng dạy nghề từng bước được nâng lên. Chất lượng đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp với công nghệ sản xuất hiện đại. Một số trường đã có đủ điều kiện đào tạo công nhân kỹ thuật tương đương trình độ khu vực và có thể đảm nhận được công việc mà trước đây phải do lao động kỹ thuật nước ngoài thực hiện.

+ Cơ cấu đào tạo

- Cơ cấu các cơ sở dạy nghề theo vùng lãnh thổ.
- Cơ cấu đào tạo theo ngành nghề đào tạo
- Cơ cấu đào tạo theo trình độ nghề

2.3. Đánh giá chung về hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật ở Việt Nam

2.3.1. Thành công

Quy mô đào tạo của hệ thống dạy nghề ngày càng tăng nhanh; số lượng các trường dạy nghề, loại hình đào tạo, cơ cấu đào tạo ngày càng hoàn thiện cũng như số lượng người học ngày càng gia tăng khẳng định vai trò của việc đào tạo nghề đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam cũng như chất lượng đào tạo ngày càng tăng lên.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra:

Cơ cấu hệ thống đào tạo công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, cả về chất lượng và số lượng của đội ngũ công nhân.

Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Quy mô đào tạo, nhất là quy mô đào tạo nghề dài hạn còn nhỏ so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Mạng lưới cơ sở dạy nghề tuy đã được sắp xếp nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề của các vùng nhất là khu vực nông thôn.

Hiện nay có những nghề đào tạo rất khó tuyển sinh, đó là những nghề làm việc trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại, như nghề khai thác hầm lò, nghề đúc.v.v... Đối với những nghề này cần có chính sách riêng để thu hút người học.

Cơ chế, chính sách của Nhà nước về dạy nghề chưa tạo được động lực đủ mạnh cho các cơ sở dạy nghề, đội ngũ giáo viên dạy nghề và người học nghề..

Tóm lại, hệ thống đào tạo nghề nước ta hiện nay đang được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Đầu tư cho đào tạo nghề ngày càng nhiều và có hiệu quả. Nhận thức của người dân về nghề nghiệp ngày càng tích cực; chất lượng, số lượng đào tạo nghề ngày càng tăng, chúng ta lại có nhiều những cơ hội để phát triển, hội nhập và hoàn thiện. Nhưng bên cạnh đó chúng ta đang gặp không ít các khó khăn như tâm lý phân biệt công nhân và cử nhân đại học, đầu tư vốn ít, cả số lượng và chất lượng giáo viên dạy nghề đều chưa được đáp ứng, cơ sở vật chất còn lạc hậu... Vì thế trong những năm tới chúng ta cần phải chú trọng tập trung vào công tác đào tạo nghề để phát triển và hoàn thiện số lượng và chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

3.1. Bối cảnh mới của nền kinh tế Việt Nam và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động đào tạo công nhân kỹ thuật

Việt Nam bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển. Chúng ta thực hiện đường lối phát triển kinh tế dựa vào nội lực và tranh thủ nguồn lực bên ngoài, tiến trình hội nhập kinh tế của Việt nam vào kinh tế khu vực và thế giới đang được thực hiện với tốc độ ngày càng tăng, ngày càng sâu sắc và toàn diện, trong đó có việc thực thi cam kết với các nước ASEAN (ví dụ như Hiệp định AFTA và AIA, AICO) và chuẩn bị tham gia WTO. Việc thực hiện cam kết này vừa tạo ra cơ hội vừa tạo ra thách thức cho nền kinh tế. Vấn đề đặt ra là cần xác định những điều chỉnh chính sách phù hợp để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức.

Ngày nay toàn cầu hoá là xu thế tất yếu của sự phát triển nền kinh tế thế giới, toàn cầu hoá đã tạo ra cơ may lớn cho sự tiến bộ của loài người, cho sự tăng trưởng kinh tế. Toàn cầu hoá hiện nay do sự mở cửa, thị trường thúc đẩy vì thế trong tiến trình toàn cầu hoá thị trường chiếm địa vị chủ đạo ai chiếm được vị trí trong cạnh tranh thị trường người đó sẽ chiếm được quyền chủ động trong tiến trình toàn cầu hoá.

3.2. Định hướng để phát triển đào tạo công nhân kỹ thuật

10 năm tới dạy nghề phải được đổi mới cơ bản và toàn diện để có đủ năng lực đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu chất lượng, yêu cầu số lượng lao động kỹ thuật của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá và xuất khẩu lao động theo cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đáp ứng nhu cầu học nghề để tìm việc làm và tự tạo việc làm của người lao động. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng

hình thành các trường trọng điểm, phân bố hợp lý góp phần thực hiện sự liên thông đáp ứng yêu cầu phân luồng của hệ thống giáo dục quốc dân. Cơ sở đào tạo ngoài công lập cần phải được phát triển mạnh để có thể góp phần thoả mãn nhu cầu học nghề ngày càng tăng của xã hội.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo công nhân kỹ thuật

Thứ nhất là hoàn thiện các trình độ đào tạo trong hệ thống dạy nghề:

- Cấp I: Bán lành nghề - đào tạo ngắn hạn.
- Cấp II: Lành nghề - đào tạo dài hạn.
- Cấp III: Lành nghề trình độ cao - đào tạo kỹ sư thực hành, kỹ thuật viên cao đẳng, thợ cả.

Thứ hai là phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề:

Thứ ba là đổi mới nội dung, chương trình dạy nghề theo hướng tiếp cận sản xuất, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến.

Thứ tư là phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề, đổi mới phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ năm là phải tăng cường đầu tư nguồn tài chính, cơ sở vật chất cho dạy nghề: trong thời gian tới cần phải có sự đầu tư lớn trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề.

Thứ sáu là đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề.

Thứ bảy là mở rộng hợp tác quốc tế về dạy nghề.

KẾT LUẬN

Việt Nam là một trong những nước đang phát triển, mới bước đầu tiến hành công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Như vậy, về mặt khoa học kỹ thuật và công nghệ chúng ta đang tụt hậu so với các nước công nghiệp trên thế giới và còn có khoảng cách so với các nước trong khu vực. Tuy vậy, chúng ta lại có lợi thế là đúc rút được kinh nghiệm của các nước đi trước, có thể nắm bắt được những tri thức, những thành tựu của thế giới để rút ngắn thời gian công nghiệp hóa - hiện đại hoá đất nước. Một trong những thách thức lớn trong cuộc "bứt phá" này là chúng ta đang còn hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực. Thách thức này lại càng lớn hơn khi thế giới đang bước nhanh vào nền kinh tế tri thức. Theo " Chiến lược phát triển nền kinh tế - xã hội " mà đại hội Đảng IX đã đề ra, chúng ta phấn đấu để đến năm 2020, là nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Để đáp ứng đòi hỏi này, Đảng ta đã khẳng định chúng ta phải đi tắt, đón đầu, nếu không chúng ta sẽ tụt hậu càng xa. Điều này chỉ có thể làm được khi chúng ta có chiến lược đầu tư phát triển nguồn nhân lực một cách đúng đắn, phù hợp. Nghị quyết đại hội đảng lần thứ IX đã khẳng định: "Phát triển giáo dục đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững". Nhưng một trong các vấn đề nổi cộm là sự mất cân bằng về trình độ đào tạo. Chúng ta thiếu một đội ngũ công nhân lao động kỹ thuật lành nghề, thiếu những người thợ có trình độ ở các cấp bậc khác nhau, thiếu những công nhân có trình độ cao phục vụ cho những ngành công nghệ hiện đại... Chính những công nhân này chứ không phải ai khác là người góp phần quyết định sự phát triển của nền kinh tế đất nước, góp phần thành công cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Công nhân kỹ thuật có vai trò rất quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế, trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá nền kinh tế. Để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại

hoá và hội nhập, cần mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật để góp phần đổi mới cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế trong từng thời kỳ phát triển, làm cho hoạt động đào tạo gắn với những đòi hỏi của thị trường lao động, nhất là thị trường lao động kỹ thuật trình độ cao.

Lĩnh vực đào tạo đội ngũ công nhân hiện nay tuy đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, được coi là một nhiệm vụ quan trọng, và do đó có được những thành công nhất định như chất lượng đào tạo tăng lên, số lượng người tham gia đào tạo nghề ngày càng nhiều, loại hình đào tạo ngày càng đa dạng, phong phú đã dần dần đáp ứng được nhu cầu trong nước và quốc tế ... song chưa thực sự xác lập được vị trí của nó. Trong lĩnh vực đào tạo nghề đầu tư cho cơ sở vật chất còn thấp, chất lượng giáo viên chưa cao, tâm lý phân biệt công nhân làm thuê và kỹ sư còn tồn tại. Vì vậy chúng ta cần huy động sức người, sức của vào sự nghiệp đào tạo nghề, tuyên truyền, giáo dục ý thức người dân góp phần làm cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá của Đảng và nhà nước ta được thực hiện.

Trong những năm tới chúng ta phải hình thành và phát triển hệ thống đào tạo nghề với nhiều trình độ đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng lao động; Đào tạo phải thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động và hướng tới hội nhập với khu vực và quốc tế; Song song với việc mở rộng quy mô đào tạo phải từng bước nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, đầu tư trang thiết bị và cơ sở kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo.